

Số: /KH-SKHCN

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH Kê khai tài sản, thu nhập năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 5609/KH-UBND ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024 và Kế hoạch số 5930/KH-UBND ngày 16/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại Kế hoạch số 5609/KH-UBND ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ các quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong việc kê khai, công khai, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập. Góp phần minh bạch hóa hoạt động công vụ, ngăn chặn, phòng ngừa lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì động cơ vụ lợi, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, nâng cao hiệu quả việc thu hồi tài sản tham nhũng; phục vụ công tác kiểm soát tài sản, thu nhập và công tác quản lý cán bộ.

2. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai đầy đủ, trung thực về tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập và giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.

Việc tổ chức kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải đảm bảo kịp thời, đúng thời gian và trình tự, thủ tục. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tổ chức quán triệt, hướng dẫn và triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

II. NỘI DUNG KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP.

1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập.

1.1. Kê khai tài sản, thu nhập **LẦN ĐẦU** là những đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 34, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (các đối tượng mới tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị).

(Kèm theo Phụ lục 01 - Những người kê khai tài sản, thu nhập lần đầu)

1.2. Kê khai tài sản, thu nhập **BỔ SUNG** được quy định tại khoản 2, Điều 36, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 là những đối tượng đã kê khai lần đầu nhưng có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên thì phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

Cán bộ, công chức căn cứ vào tình hình tăng, giảm tài sản, thu nhập trong năm, nếu có biến động tăng, giảm từ 300.000.000 đồng trở lên thì tiến hành kê khai bổ sung.

1.3. Kê khai tài sản, thu nhập **HÀNG NĂM** được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 36, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, gồm: (1) Kế toán viên; Kiểm tra viên của Đảng; Thanh tra viên; (2) Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định cụ thể trong 105 danh mục tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

(Kèm theo Phụ lục 02 - Những người kê khai tài sản, thu nhập hàng năm)

Ghi chú: Đối với những người đã kê khai tài sản, thu nhập hàng năm thì không kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

2. Mẫu bản kê khai và tài sản, thu nhập kê khai.

2.1. Mẫu bản kê khai:

- Bản kê khai lần đầu: Sử dụng cho các đối tượng mới tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị. Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

- Bản kê khai bổ sung: Sử dụng cho những đối tượng đã kê khai lần đầu nhưng có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên (trừ đối tượng đã kê khai hàng năm).

- Bản kê khai hàng năm: Sử dụng cho những đối tượng giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên) được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 36 của Luật Luật PCTN và những người có nghĩa vụ kê khai hàng năm được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 36 của Luật PCTN và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

- Người kê khai: Sau khi kê khai xong phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai, ghi ngày hoàn thành việc kê khai; nộp 02 bản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai theo đúng quy định của Luật PCTN và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP; hoàn thành việc kê khai **trước ngày 31/12/2024** theo quy định tại Điều 36 Luật PCTN.

Ghi chú: Trong quá trình kê khai, người kê khai phải tuân thủ kê khai đúng theo mẫu kê khai tài sản, thu nhập; không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung, không tự ý cắt bỏ những nội dung không có tài sản, phần biến động tài sản...(những nội dung nào không có tài sản thì ghi chữ không có), kê khai đúng mẫu kê khai kèm theo Kế hoạch này. Trong quá trình kê khai, người kê khai nghiên cứu kỹ các nội dung chú thích trong mẫu kê khai và hướng dẫn tại Công văn số 953/TTr-TTT, ngày 30/9/2023 của Thanh tra tỉnh về hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị (gửi kèm theo Công văn số 953/TTr-TTT, ngày 30/9/2023 của Thanh tra tỉnh).

2.2. Tài sản, thu nhập kê khai:

Tài sản, thu nhập phải kê khai theo quy định tại khoản 1, Điều 35, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, gồm: (1) *Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;* (2) *Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;* (3) *Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;* (4) *Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.*

3. Thời gian kê khai, kết thúc kê khai.

Các phòng chuyên môn và các đơn vị thuộc sở triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị mình kể từ ngày nhận được Kế hoạch này; hoàn thành việc kê khai, công khai và báo cáo kết quả kê khai, **chậm nhất là ngày 31/12/2024.**

4. Công khai bản kê khai.

Các phòng chuyên môn và các đơn vị thuộc sở tiến hành công khai bản kê khai của người kê khai theo quy định; lựa chọn một trong hai hình thức để công khai: (1) Niêm yết tại đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc; (2) Công khai tại cuộc họp. Việc công khai phải được lập thành biên bản và gửi kèm theo báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập.

Lưu ý: Riêng cấp ủy, tổ chức Đảng thực hiện công khai theo quy định tại Điều 2 Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2024 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản: *“Lãnh đạo, thực hiện nghiêm túc việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản theo quy định của pháp luật. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc diện kê khai tài sản theo quy định của pháp luật phải kê khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng, đúng thời hạn. Chi ủy tổ chức việc công khai bản kê khai tài sản của đảng viên thuộc*

diện phải kê khai trong sinh hoạt chi bộ. Cấp ủy tổ chức công khai bản kê khai tài sản của cấp ủy viên trong sinh hoạt cấp ủy. Hình thức, thời điểm, phạm vi công khai bản kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức khác thuộc diện phải kê khai thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng”.

5. Báo cáo kết quả và bàn giao bản kê khai.

Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo khoản 3, Điều 38 Luật PCTN và khoản 6, khoản 8, Điều 3 Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị:

a) Những người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; kê khai, công khai, bàn giao bản kê khai về Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy theo khoản 6, khoản 8, Điều 3 Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị;

b) Những người thuộc diện Thanh tra tỉnh quản lý; kê khai, công khai, bàn giao bản kê khai theo nội dung tại Kế hoạch này;

(Kèm theo Phụ lục 03 - Những người gửi bản kê khai về Thanh tra sở)

Các phòng chuyên môn và các đơn vị thuộc sở báo cáo kết quả kê khai, bàn giao bản kê khai về Thanh tra sở, chậm nhất là ngày 31/12/2024, gồm các nội dung sau: (1) Báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 (gửi kèm theo mẫu báo cáo); (2) Biên bản công khai bản kê khai tại cơ quan, đơn vị; (3) Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của những người tại Phụ lục 03, kèm theo Kế hoạch này và những người kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (nếu có);

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng chuyên môn và các đơn vị thuộc sở, căn cứ Kế hoạch này, triển khai tiến hành phát mẫu kê khai cho những người thuộc diện kê khai, hướng dẫn việc kê khai, tiếp nhận bản kê khai, kiểm tra bản kê khai, tiến hành công khai bản kê khai năm 2024 tại đơn vị mình; báo cáo kết quả kê khai và bàn giao bản kê khai theo yêu cầu tại Mục 5, phần II, kế hoạch này;

2. Giao Thanh tra sở theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả kê khai tài sản, thu nhập theo thẩm quyền trong phạm vi quản lý của sở; kịp thời kiểm tra, hướng dẫn các phòng chuyên môn và các đơn vị thuộc sở nếu phát hiện có kê khai thiếu sót, chưa đúng quy định, tiếp tục mắc các tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra trước đây; tham mưu Lãnh đạo sở báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm năm 2024 về Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm của năm 2024 về Thanh tra tỉnh theo đúng thời gian quy định;

Căn cứ nội dung kế hoạch này, đề nghị các phòng chuyên môn và các đơn vị thuộc sở tổ chức quán triệt, hướng dẫn, triển khai thực hiện kê khai nghiêm túc, hiệu quả. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát

sinh, kịp thời trao đổi về Thanh tra sở đề tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo sở xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM, đơn vị thuộc Sở;
- Trang thông tin Sở;
- Lưu: VT, TTra.

GIÁM ĐỐC

Lê Tiên Dũng